

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu (FP2030) giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1347/QĐ-BYT ngày 22/02/2021 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026 của Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030); trên cơ sở nội dung tham mưu của Sở Y tế tại Văn bản số 6489/TTr-SYT ngày 07/8/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu (FP2030) giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1347/QĐ-BYT ngày 22/02/2021 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1559/QĐ-BYT ngày 01/6/2026 của Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch thực hiện Cam kết tham gia chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu đến năm 2030 (FP2030).

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội và tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình (*sau đây viết tắt là KHHGD*).

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương trong công tác phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu (FP2030) giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải bám sát tình hình thực tiễn của tỉnh; phù hợp với đặc điểm dân cư, điều kiện kinh tế, phong tục tập quán của từng địa phương, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời, an toàn, thuận tiện và có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, nhất là thanh niên, vị thành niên; góp phần giảm nhu cầu chưa được đáp ứng về kế hoạch hóa gia đình, giảm có thai ngoài ý muốn ở thanh niên, vị thành niên, thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng.

- 90% cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập.

- 100% cấp xã tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố.

- 100% cấp xã có cơ sở Y tế cung cấp dịch vụ KHHGD lâm sàng.

- Trên 95% cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện KHHGD, sử dụng biện pháp tránh thai; truyền thông về hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

1.1. Nội dung

- Trên cơ sở Luật Dân số số 113/2025/QH15; Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030; Kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 19/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, căn cứ tình hình thực tiễn, khả năng cân đối ngân sách địa phương và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xây dựng chính sách hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 (giai đoạn I: 2026 - 2030): Thực hiện mua và cung cấp miễn phí phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thụ hưởng trong Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình tại các xã khu vực II và khu vực III; hỗ trợ công tác tuyên truyền, tư vấn, vận động, tổ chức Chiến dịch và hỗ trợ trực tiếp đối tượng sử dụng dịch vụ kỹ thuật, bảo đảm người dân được thụ hưởng đầy đủ chính sách và quyền lợi theo quy định.

1.2. Kết quả đầu ra

- Các chính sách về dân số trên địa bàn tỉnh được triển khai kịp thời, đúng đối tượng.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng ưu tiên trên địa bàn tỉnh.

1.3. Đơn vị chủ trì, thực hiện: Sở Y tế; UBND các xã, phường.

1.4. Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.5. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

2.1. Nội dung

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21- NQ/TW; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 20/10/2025 về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Luật Dân số số 113/2025/QH15.

Thường xuyên cung cấp thông tin, vận động cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ nguồn lực. Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cung ứng PTTT, dịch vụ KHHGĐ trên địa bàn tỉnh.

b) Nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm của địa bàn, phong tục tập quán và nhóm đối tượng khác nhau nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ).

- Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi về sử dụng các biện pháp tránh thai an toàn, hiệu quả góp phần giảm mang thai ngoài ý muốn, giảm phá thai, hạn chế vô sinh và tử vong mẹ, trẻ em liên quan đến thai sản; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe sinh sản, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, duy trì mức sinh thay thế và thực hiện các mục tiêu về dân số và phát triển.

- Khuyến khích chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ưu tiên tuyên truyền, vận động đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

- Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

c) Đa dạng hóa các hình thức truyền thông; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, và các nền tảng truyền thông hiện đại, mạng xã hội. Đẩy mạnh truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình và cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố; tăng cường phối hợp giữa đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và những người có uy tín trong cộng đồng, như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân... nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông, vận động và mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các biện pháp tránh thai tại cộng đồng.

d) Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi; tăng cường truyền thông giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của các bậc làm cha mẹ, gia đình, xã hội và cộng đồng về dân số KHHGĐ đối với vị thành niên, thanh niên.

2.2. Kết quả đầu ra

- Các hoạt động truyền thông, giáo dục về dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản được triển khai rộng khắp.

- Nội dung và hình thức truyền thông được đổi mới, đa dạng và ứng dụng công nghệ số. Mạng lưới truyền thông phủ rộng đến cơ sở.

- Người dân, đặc biệt là thanh niên và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ được nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, góp phần nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh.

2.3. *Đơn vị chủ trì, thực hiện:* Sở Y tế; UBND các xã, phường.

2.4. *Đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.5. *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

3. Phát triển mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD; tăng cường cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lâm sàng tại tuyến xã

3.1. Nội dung chủ yếu

- củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGD ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD tại tuyến xã; đặc biệt ưu tiên cho khu vực miền núi, dân tộc thiểu số và các khu công nghiệp có nhiều lao động trẻ nhập cư.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ KHHGD tại tuyến xã. Triển khai, phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD và tăng khả năng lựa chọn các biện pháp tránh thai cho người sử dụng.

- Nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng sử dụng biện pháp tránh thai phi lâm sàng cho đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập; đa dạng hóa sản phẩm phương tiện tránh thai phi lâm sàng, bảo đảm nguồn cung ổn định tại tuyến cơ sở.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ KHHGD, cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng Hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: Thường xuyên cập nhật, quản lý và báo cáo số liệu phương tiện tránh thai trên Hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai (LMIS) theo quy định; quản lý, theo dõi đối tượng sử dụng các biện pháp tránh thai; đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hóa gia đình định kỳ 06 tháng, hằng năm.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, hướng dẫn chuyên môn về kế hoạch hóa gia đình; quản lý và cung ứng phương tiện tránh thai tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm tuân thủ quy định chuyên môn, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất triển khai thí điểm mô hình hỗ trợ sinh sản, dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh khi có hướng dẫn của Trung ương.

3.2. *Kết quả đầu ra*

- Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ KHHGĐ cho đội ngũ cán bộ y tế; kỹ năng tư vấn biện pháp tránh thai phi lâm sàng cho cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố.

- Mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/chăm sóc sức khỏe sinh sản được củng cố, nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận của người dân; mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGĐ thân thiện cho vị thành niên/thanh niên.

- Hằng năm, tăng tỷ lệ đối tượng sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại.

- Dữ liệu về phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ được cập nhật chính xác, kịp thời trên hệ thống LMIS.

- Các buổi kiểm tra, giám sát được tổ chức thực hiện.

3.3. *Đơn vị chủ trì, thực hiện:* Sở Y tế, UBND các xã, phường.

3.4. *Đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3.5. *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

4. **Giảm có thai ngoài ý muốn ở thanh niên, vị thành niên**

4.1. *Nội dung*

- Thực hiện thu thập số liệu sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình của vị thành niên, thanh niên, đặc biệt ở các nhóm dân số yếu thế để có đủ bằng chứng nhằm vận động nguồn lực, lập kế hoạch và tổ chức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng cho những nhóm đối tượng trên.

- Mở rộng các hình thức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình phù hợp với nhóm đối tượng vị thành niên, thanh niên và theo từng địa bàn, chú trọng vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó tăng cường sự tham gia của vị thành niên, thanh niên trong quá trình tổ chức thực hiện để phù hợp với nhu cầu cụ thể của nhóm đối tượng này.

4.2. *Kết quả đầu ra*

- Có báo cáo, số liệu về sử dụng các biện pháp tránh thai của vị thành niên, thanh niên phục vụ công tác quản lý, lập kế hoạch và phân bổ nguồn lực.

- Giảm tỷ lệ có thai ngoài ý muốn ở vị thành niên, thanh niên.

4.3. *Đơn vị chủ trì, thực hiện:* Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo

4.4. *Đơn vị phối hợp:* Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4.5. *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực

5.1. Nội dung chủ yếu

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ KHHGĐ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình; huy động hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở, vùng khó khăn nhất là vùng có mức sinh cao trên địa bàn tỉnh.

5.2. Kết quả đầu ra

Huy động hiệu quả nguồn lực xã hội và hệ thống y tế, dân số tham gia triển khai Chương trình KHHGĐ, bảo đảm hoạt động tại tuyến cơ sở và vùng khó khăn.

5.3. Đơn vị chủ trì, thực hiện: Sở Y tế, UBND các xã, phường.

5.4. Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

5.5. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

6.1. Nội dung

- Nghiên cứu, lựa chọn và triển khai các đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; thu thập, tổng hợp dữ liệu về thực trạng sử dụng biện pháp tránh thai của vị thành niên, thanh niên, đặc biệt là nhóm dân số yếu thế, làm cơ sở xây dựng giải pháp, huy động nguồn lực và tổ chức cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình hiệu quả, bình đẳng.

- Tranh thủ huy động nguồn lực tài chính, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân, các chương trình, dự án sản xuất, cung cấp phương tiện tránh thai trong và ngoài nước để thực hiện Kế hoạch.

6.2. Kết quả đầu ra

- Có đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật được lựa chọn và triển khai nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ.

- Huy động được nguồn lực tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và phương tiện tránh thai từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định.

6.3. Đơn vị chủ trì, thực hiện: Sở Y tế; UBND các xã, phường.

6.4. Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

6.5. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành và UBND các xã, phường: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Kế hoạch của UBND tỉnh chủ động nghiên cứu, triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả, theo quy định.

2. Sở Y tế

- Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, hằng năm tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện trong kế hoạch tổng thể của công tác dân số bảo đảm phù hợp, hiệu quả. Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương và các đoàn thể liên quan tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai các chính sách hỗ trợ về phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo quy định của Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với đối tượng thụ hưởng trong Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình theo Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 (giai đoạn I: 2026 - 2030).

- Phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh và các cơ quan báo chí xây dựng chuyên mục, phóng sự, tin, bài tuyên truyền về công tác dân số; tập trung truyền thông các nội dung mới, trọng tâm của chính sách dân số và tuyên truyền đa dạng trên các nền tảng số.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGĐ ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ tại tuyến xã; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ KHHGĐ tại tuyến xã, đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa phương tiện tránh thai, huy động nguồn lực.

- Quản lý và báo cáo số liệu phương tiện tránh thai trên Hệ thống thông tin quản lý hậu cần (LMIS) theo quy định; cập nhật và theo dõi đối tượng sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại; đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hóa gia đình định kỳ theo quý, 6 tháng, hằng năm. Nghiên cứu đề tài, sáng kiến khoa học phù hợp và đánh giá sơ kết, tổng kết chương trình.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tăng cường truyền thông, giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính cho học sinh phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi; đẩy mạnh tuyên truyền trên các nền tảng số đến phụ huynh và học sinh nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn và thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

- Lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và bình đẳng giới trong chương trình giáo dục trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin báo chí của tỉnh, các đơn vị, địa phương tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở; lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, công tác gia đình và các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; tăng cường truyền thông, vận động nâng cao nhận thức của người dân về khám sức khỏe trước khi kết hôn, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, vận động về dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; phối hợp triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, bảo đảm các đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thụ hưởng đầy đủ chính sách, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo quy định.

7. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan rà soát, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Luật Dân số; phối hợp tham mưu các chính sách hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh; Trung tâm Thông tin tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tăng thời lượng, chất lượng các chương trình phát sóng tuyên truyền về chính sách dân số, xây dựng chuyên trang, chuyên mục về các dịch vụ dân số kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản nhằm cung cấp thông tin, kiến thức góp phần nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi của cộng đồng về công tác dân số trong giai đoạn hiện nay.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

- Theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số; lồng ghép nội dung dân số, kế hoạch hóa gia đình trong các cuộc vận động, phong trào do Mặt trận và các tổ chức thành viên phát động; tuyên truyền, vận động các đối tượng thuộc diện thụ hưởng tiếp cận và thụ hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ trong Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình theo Quyết định số 1709/2026/QĐ-BYT và các quy định hiện hành.

- Phối hợp triển khai các hoạt động truyền thông vận động, khuyến khích thanh niên khám sức khỏe trước khi kết hôn, sử dụng các biện pháp tránh thai nhằm tránh mang thai ngoài ý muốn, giảm tỷ lệ phá thai, hạn chế vô sinh và tử vong mẹ, trẻ em liên quan đến thai sản; góp phần cải thiện sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống trên địa bàn tỉnh

- Tăng cường giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số và các chính sách hỗ trợ về kế hoạch hóa gia đình; kịp thời phản ánh, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch này, cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với các nhiệm vụ, giải pháp và tình hình thực tế của địa phương; đồng thời, xem xét để đưa mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Bố trí kinh phí cho hoạt động theo phân cấp ngân sách hiện hành để triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo nội dung của Kế hoạch.

- Phối hợp triển khai các chính sách về dân số, đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng; tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách dân số trên địa bàn tỉnh.

- Quan tâm củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGĐ; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ; nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế cung cấp dịch vụ KHHGĐ và đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác truyền thông, vận động, áp dụng công nghệ hiện đại, internet, mạng xã hội trong tuyên truyền vận động về KHHGĐ; huy động sự vào cuộc của các ban, ngành, đoàn thể, người có uy tín tại địa phương tham gia triển khai, lồng ghép các hoạt động chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu giai đoạn 2026 - 2030 với các hoạt động khác của địa phương.

- Đa dạng hóa phương tiện tránh thai, đảm bảo cung ứng kịp thời phương tiện tránh thai tại cơ sở.

- Cập nhật, báo cáo số liệu phương tiện tránh thai trên Hệ thống thông tin quản lý hậu cần (LMIS) theo quy định; cập nhật và theo dõi đối tượng sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại; đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hóa gia đình định kỳ theo quý, 6 tháng, hằng năm và đánh giá sơ kết, tổng kết chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; thực hiện Cam kết tham gia Chương trình kế hoạch hóa gia đình toàn cầu giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động triển khai đảm bảo phù hợp, hiệu quả, theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức thành viên;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

vtthuy/KH20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nông Quang Nhất

